

KHÁI QUÁT VĂN HỌC LÝ - TRẦN

1. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ
 - 1.1. Về chính trị:
 - 1.2. Về kinh tế:
 - 1.3. Về xã hội
 - 1.4. Về giáo dục và nghệ thuật:
2. VĂN HỌC ĐỜI LÝ
 - 2.1. Văn học đời Lý mang nặng hệ ý thức Phật giáo
 - 2.2. Thơ văn đời Lý phản ánh tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc
 - 2.3. Nhận xét chung về thơ văn đời Trần
3. VĂN HỌC ĐỜI TRẦN
 - 3.1. Bối cảnh lịch sử và những đổi thay trong tầng lớp nho sĩ đời Trần.
 - 3.2. Nội dung văn học
 - 3.3. Nhận xét chung về thơ văn đời Trần

KHÁI QUÁT VĂN HỌC LÝ- TRẦN

Chọn thời đại Lý- Trần làm giai đoạn mở đầu cho VHTĐ Việt Nam, các nhà nghiên cứu nhằm khẳng định rằng đây chính là thời đại phục hưng của văn hóa dân tộc, thời đại mở đầu cho nền văn minh Thăng Long, đánh dấu bước trưởng thành của một dân tộc vừa giành lại độc lập tự chủ sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc

1) HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

1.1) Về chính trị

- Thời đại Lý- Trần đảm đương hai sứ mệnh lịch sử to lớn: Hưng văn trị và định vũ công, bảo vệ tổ quốc, chống họa xâm lăng và xây dựng nền móng vững chắc cho chế độ phong kiến vừa hình thành.

- Đời Lý, Lý Thường Kiệt chống Tống; đời Trần, Trần Hưng Đạo chống Nguyên Mông (3 lần). Thời kỳ này, triều đại Lý- Trần còn phải tiến hành những cuộc chiến tranh chống họa xâm lăng phương Nam (Chiêm Thành). Chiến tranh tất yếu phải có hủy hoại, hao người tốn của nhưng tính chất chính nghĩa và thắng lợi vẻ vang của những cuộc kháng chiến vệ quốc đã tạo thêm khí thế hào hùng, bản lĩnh, sự tự tin cho một dân tộc nhỏ bé ở phương Nam.

- Mặt khác, thời đại Lý- Trần còn phải đảm đương sứ mệnh xây dựng chế độ phong kiến, chế định kỷ cương, điển lễ, văn hiến cho một quốc gia phong kiến có chủ quyền, tạo nền tảng cho sự ổn định và phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam trong các thế kỷ sau.

1.2) Về kinh tế

a. Chế độ đại điền trang là một đặc điểm kinh tế cơ bản thời Lý- Trần. Nó dựa trên cơ sở xâm lấn đất đai của các làng xã, biến người nông dân thành người nông nô. Ruộng đất trong thời kỳ này thuộc về công điền. Về thực tế, ruộng đất do các làng xã quản lý và sử dụng bằng cách chia cho nông dân lĩnh canh rồi nộp tô thuế cho triều đình. Đó là nguồn thu nhập chủ yếu của chính quyền trung ương vì ruộng đất công chiếm đại bộ phận trong thời đó. Vua có quyền lấy ruộng đất công bất kỳ lúc nào để dùng vào những mục đích riêng của mình. Theo Thiền uyển tập anh, sau khi chữa được bệnh cho Lý Thần Tông, nhà sư Nguyễn Minh Không bèn được phong mấy trăm hộ. Ruộng thực hộ là do nông dân tự do cày cấy và nộp tô.

(Xét đến cùng, nền kinh tế độc lập- điền trang cho phép bọn quý tộc vừa có nông nô, địa vị, thế lực chính trị và đôi khi còn có cả lực lượng quân đội riêng trong điền trang. Đây là một trở ngại lớn cho xu hướng trung ương tập quyền khi chế độ phong kiến Việt Nam dần đi vào con đường ổn định, phát triển)

- Ở thời Lý, chế độ đại điền trang vẫn còn mang một số yếu tố tích cực nên vẫn có khả năng thúc đẩy sự phát triển của kinh tế xã hội.

- Đến đời Trần, kinh tế đại điền trang đi vào con đường lạc hậu. Vua chúa, quý tộc lợi dụng chính sách này để cướp giạt ruộng đất của nông dân ngày càng nhiều. Sự khủng hoảng của nền kinh tế đại điền trang đã dẫn đến sự bùng nổ của rất nhiều cuộc khởi nghĩa của nông nô, nô tỳ và một số ý kiến cải cách của các sĩ phu. Tính chất công điền dần lỗi thời nhường chỗ cho chế độ sở hữu cá nhân về mặt ruộng đất sẽ được thực hiện vào thời kỳ nhà Hậu Lê.

- Những năm Hồ Quý Ly ở ngôi, ông đã có một số cải cách quan trọng về kinh tế đặc biệt là thực hiện nghiêm khắc chính sách hạn điền hạn nô nhưng những cải cách đó đều thất bại do các nho sĩ và quần chúng không ủng hộ chế độ nguy triều.

b. Các triều vua đầu thời kỳ Lý- Trần đều rất quan tâm phát triển sản xuất nông nghiệp. Từ đời Lê Hoàn đã tổ chức lễ cày ruộng để thể hiện tinh thần coi trọng nghề nông (Cứ đến đầu tháng giêng, nhà vua đích thân cày một thửa ruộng mở đầu năm sản xuất). Hệ thống đê ở các con sông lớn được quan tâm triệt để nhằm bảo vệ mùa màng, chống lụt lội. Các chức quan Hà đê (chánh sứ và phó sứ) được đặt ra để chuyên coi việc đào kênh ngòi, đắp đê phục vụ giao thông, thủy lợi. Việc mở rộng diện tích canh tác, tổ chức khuyến khích khai hoang cũng được quan tâm.

c. Thủ công nghiệp, nhờ được quan tâm, cũng ngày càng phồn thịnh. Nghề dệt gấm, sản xuất nông cụ, vải lụa, đồ gốm, đồ sứ, đồ đồng, vũ khí, xe thuyền, khắc bản in, nung vôi, dệt the,.. đã phát triển mạnh ở các làng nghề, phường hội truyền thống

1.3) Về xã hội

Sự phát triển của các học thuyết Nho- Phật- Lão trong giai đoạn đầu tiên của chế độ phong kiến Việt Nam đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành, phân chia đẳng cấp trong xã hội Lý- Trần. Cụ thể:

1.3.1) Ở thời Lý, đạo Phật lan truyền khắp nước ta, có xu hướng phát triển thành quốc giáo, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- + Chiến tranh ly loạn, lòng người chán nản muốn tìm đến con đường siêu thoát của đạo Phật.

- + Đạo Phật đã du nhập vào Việt Nam khá sớm, trong thời kỳ Bắc thuộc và đã có ảnh hưởng rất sâu sắc ở thời kỳ Đinh, Tiền Lê.

- + Vua Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) là người xuất thân từ đạo Phật. (Đời Lê Ngọa Triều, ông giữ chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Về sau, vua Lê Ngọa Triều hoang dâm, hung ác, triều thần nổi dậy lật đổ ngôi vua Tiền Lê, đưa Lý Công Uẩn lên ngôi báu, sáng lập ra nhà Lý). Do xuất thân từ đạo Phật, Lý Thái Tổ đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của Phật giáo ở Việt Nam.

- + Nhân dân ta vốn có truyền thống nhân đạo nên rất dễ tiếp thu các lý thuyết từ bi, bác ái của đạo Phật

- Vai trò độc tôn của Phật giáo đã dẫn đến việc phân chia các giai cấp trong xã hội thời Lý như sau:

+ Giai cấp được trọng vọng nhất thời Lý là giai cấp quý tộc và tăng lữ. Các nhà sư thường có vị trí cao trong triều đình và thậm chí còn có mối quan hệ huyết thống với hoàng tộc. (Sư Viên Chiếu là người trong hoàng tộc, sư Mãn Giác là con quan đại thần,..)

+ Giai cấp quần chúng bị trị thời Lý gồm nông dân ở các làng xã, nông nô, nô tỳ ở các điền trang, thợ thủ công, lái buôn.

1.3.2) Ở thời Trần, đạo Phật vẫn còn ảnh hưởng rất sâu sắc đến đời sống tinh thần của dân tộc nhưng vị trí độc tôn của nó đã dần phải nhường chỗ cho Nho giáo do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Từ triều Trần trở đi, tính chất trung ương tập quyền cao hơn dẫn đến nhu cầu gạt bỏ vị trí cố vấn tối cao của các vị quốc sư trong triều đình.

- Chính sách đề cử và thế tập bị bãi bỏ. Nhà Trần tổ chức các kỳ thi để tuyển chọn nhân tài vào làm việc cho triều đình. Nội dung thi cử là kinh sách của đạo Nho. Thực tế này đã dẫn đến việc hình thành một tầng lớp Nho sĩ tham gia ngày càng nhiều vào công việc triều chính, dần dần vị trí của các nhà sư tham gia triều chính trong giai đoạn trước đó. Nhân sinh quan của các Nho sĩ có phần đối lập với nhân sinh qua Phật giáo vì thế, ngay từ rất sớm, đã diễn ra hàng loạt các cuộc đấu tranh trên phương diện tư tưởng của các Nho sĩ nhằm chống lại Phật giáo mà những người tiêu biểu là Đàm Sĩ Mông, Lê Văn Hưu, Trương Hán Siêu,..

- Do đạo Nho phát triển, nho sĩ trở thành giai cấp được trọng vọng bên cạnh giai cấp quý tộc và trở thành lực lượng chính trong công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc, góp phần nắm giữ, thiết chế kỷ cương, ca ngợi, bảo vệ uy quyền phong kiến và đấu tranh chống nạn ngoại xâm.

Các giai cấp bị trị thời Trần vẫn là nông dân, nông nô, nô tỳ, thợ thủ công, lái buôn,..

1.4) Về giáo dục và nghệ thuật

1.4.1) Việc giáo dục đã được quan tâm từ rất sớm. Năm 1070, Lý Thánh Tông lập Văn Miếu ở quốc đô Thăng Long. Năm 1075, Lý Nhân Tông mở khoa thi tam trường và năm 1076 mở Quốc Tử giám chuyên lo việc giảng thuật Nho giáo. Các năm 1086, 1152, 1165, 1193 đều có mở kỳ thi. Đến đời Trần, các kỳ thi Nho giáo được tổ chức thường lệ và có quy mô rộng rãi hơn thời Lý.

1.4.2) Tiếp thu những thành tựu rực rỡ của văn nghệ dân gian, các ông vua thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần đã nối tiếp xây dựng một nền văn nghệ cung đình giàu bản sắc dân tộc. Ca múa nhạc cung đình ở các triều Lý- Trần đều bắt nguồn từ ca múa nhạc dân gian (Múa rối, hát chèo, hát tuồng thường được các ông vua thời Lý- Trần đặc biệt yêu thích)

Phần lớn các công trình kiến trúc điêu khắc ở thời Lý- Trần đã bị hủy hoại trong 20 năm đô hộ của giặc Minh nhưng theo các tài liệu sử học, khảo cổ học và một số di chỉ còn lại, có thể khẳng định rằng vương triều Lý- Trần đã cho xây dựng nhiều công trình lớn (Năm 1031, có 950 ngôi chùa được xây. Tháp Báo Thiên cao 12 tầng. Tháp Sùng Thiên ở Sơn Nam, Hà Nam Ninh ngày nay, cao đến 13 tầng. Các di tích chùa Một cột, chùa Keo, chùa Thầy, tháp Bình Sơn, chuông Quy Điền,.. đều cho thấy sự phát triển rực rỡ của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lý Trần)

2) VĂN HỌC ĐỜI LÝ

2.1) Văn học đời Lý mang nặng hệ ý thức Phật giáo

2.1.1) Đặc điểm của văn học đời Lý là lực lượng các nhà sư sáng tác chiếm đa số trên văn đàn. Theo sách Thiên uyển tập anh, đời Lý có khoảng hơn 40 nhà sư sáng tác với những tên tuổi tiêu biểu như: Mãn Giác, Viên Chiếu, Viên Thông, Không Lộ, Quảng Nghiêm,.. Trong số đó, nhiều nhà sư chiếm địa vị

cao trong xã hội và triều đình nhà Lý. Sự thống lĩnh văn đàn chùa các nhà sư đời Lý có thể giải thích bằng những nguyên nhân sau:

- Ở thời kỳ này, Phật giáo chiếm địa vị độc tôn trong đời sống tinh thần của dân tộc. Sự bành trướng của Phật giáo dẫn đến nhu cầu rộng rãi trong nhân dân là tìm hiểu, học tập những vấn đề triết lý của đạo Phật. Để đáp ứng nhu cầu đó, bên cạnh việc thuyết giảng, các nhà sư còn tìm cách truyền phổ đạo Phật bằng cách thể hiện các nội dung triết lý vốn rất trừu tượng khó hiểu qua hình thức các bài kệ ngắn gọn, sinh động, dễ nhớ, dễ hiểu để giúp người học đạo được thuận lợi hơn trong quá trình nghiên cứu, học tập.

- Văn học thời kỳ này viết bằng chữ Hán nên chủ yếu, chỉ có các nhà sư mới có đủ trình độ uyên bác để sáng tác thơ văn

2.1.2) Thiền Tông là chi phái thể hiện khá rõ quan niệm triết học trong tác phẩm của các nhà sư đời Lý. Nó thiên về sự tu dưỡng tự thân, lấy tâm định làm phép tu dưỡng. Điều này được Thượng sĩ Trần Quốc Tảng tóm tắt trong một câu ngắn gọn nhưng có giá trị khái quát toàn bộ những vấn đề cơ bản của triết học Thiền tông: Phật tức tâm, tâm tức Phật (Phật tâm ca)

2.1.3) Quan niệm Thiền tông rất gần với đạo Phật nguyên thủy ở thuyết phiếm thần luận, cho rằng:

- + Thiên địa vạn vật cùng một bản thể và chính vì thế, trước đức Phật, mọi người đều bình đẳng. Dựa trên quan niệm đó, văn học Phật giáo đời Lý thường thể hiện sự tương đồng, sự vĩnh cửu của bản ngã

Bát nhã chân vô tông

Nhân không ngã diệt không

Quá hiện vị lai Phật

Pháp tính bản tương đồng (Lý Thái Tông)

Bản ngã của mọi người đều giống nhau, đều quy về chữ Không vốn là bản thể vũ trụ, là cái hằng thường, bất diệt, là điểm tận cùng của mọi quá trình biến đổi. Cho nên, Đoàn Văn Khâm trong bài Văn Quảng Trí thiền sư đã viết:

Các đạo hữu không nên đau thương về sự vĩnh biệt

Núi sông trước chùa trông ra ấy là chân hình của nhà sư

Nhà sư đã mất nhưng chân thể, bản thể vẫn còn tồn tại trong thế giới, trong vạn vật. Đó chính là sự tương đồng và vĩnh cửu của bản ngã.

- + Quan niệm Sắc không cho rằng thế giới biến hóa vô cùng. Kiền Bản Tịnh trong Kinh trung xuất hình tượng đã so sánh cái có trong thế giới hiện hữu của con người thực chất chỉ là huyễn, cái không mới chính là thực, là sự tồn tại vĩnh cửu của con người. Điều này giống như sự tồn tại của cái bóng trong gương:

Huyễn thân bản tự không tịch tịch

Do như kính trung xuất hình tượng

Hình tượng giác liễu nhất thiết không

Huyền thân tu du chứng thực tướng

Nguyên phi Ý Lan kêu gọi hãy gạt bỏ mọi phán đoán về cái sắc và cái không trong thế giới vật chất và chỉ có như vậy, người học đạo mới tiến đến chỗ khế hợp với chân tông:

Sắc tức không, không thị sắc

Không thị sắc sắc tức không

Sắc không câu bất quản

Phương đắc khế chân tông

Bài kệ nổi tiếng Cáo tật thị chúng của nhà sư Mãn Giác là một ví dụ tiêu biểu cho quan niệm sắc không thâm thúy của nhà Phật qua sự đối sánh giữa thời gian tuần hoàn, vô cùng vô tận của vũ trụ với thời gian tuyến tính ngắn ngủi trong cuộc đời con người. Bài thơ tuy thể hiện quan niệm triết học của Phật giáo nhưng cũng mang lại niềm hy vọng cho con người trong cuộc sống:

Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhãn tiền quá

Lão tòng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

2.1.4) Tuy nhiên, là nhà thơ, các vị tăng lữ vẫn trải cảm xúc chân thành của mình trong những bài thơ tả cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Khung cảnh thiên nhiên trong thơ của các nhà sư vẫn chịu sự chi phối của cái nhìn sắc không. Chẳng hạn:

Vạn lý thanh giang vạn lý thiên

Nhất thôn tang giá nhất thôn yên

Ngư ông thụ trước vô nhân hoán

Quá ngộ tỉnh lai tuyết mãn thuyền (Ngư nhân- Không Lộ)

2.1.5) Mặt khác, trong thơ văn của các nhà sư đời Lý, ta còn có thể bắt gặp những tư tưởng tích cực, tiến bộ, xa lạ với quan niệm của Phật giáo chính thống:

- Những ý kiến chống quan điểm giáo điều của trường phái cực đoan cho rằng phải tuyệt đối thoát ly trần tục.

- Thái độ nhiệt tình, ý thức trách nhiệm của các nhà sư, khát vọng hòa nhập vào cuộc đời, tham gia gánh vác những khó khăn của đất nước trong thời kỳ đầu xây dựng.

2.2) Thơ văn đời Lý phản ánh tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc

Có thể nói, bắt đầu từ thời Lý, truyền thống yêu nước trong văn học hình thành và phát triển mãi mãi trong các giai đoạn sau. Hai tác giả tiêu biểu của chủ nghĩa yêu nước trong văn học đời Lý là Lý Công Uẩn và Lý Thường Kiệt. Chủ đề yêu nước trong thơ văn họ thường thể hiện ở những cung bậc trầm hùng khác nhau nhưng ý nghĩa chung nhất vẫn là tiếng nói lạc quan, chiến đấu của thời đại, tiếng nói tự hào của một dân tộc đang vượt qua những thử thách để khẳng định mình

2.2.1) Tác giả Lý Công Uẩn: Trong lịch sử văn học, tên tuổi của ông gắn liền với bài Chiếu dời đô có giá trị lịch sử to lớn bởi lẽ việc dời quốc hiệu, quốc đô đánh dấu bước chuyển mình trong công cuộc xây dựng cơ đồ độc lập tự chủ của dân tộc Đại Việt, đáp ứng nhu cầu củng cố vương quyền phong kiến và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Giá trị văn học của tác phẩm là ở chỗ nó đánh dấu những thành công bước đầu về nghệ thuật viết văn chính luận trong VHTĐ.

Bài chiếu đã nâng Lý Thái Tổ lên một tầm cao khác thường. Nó khẳng định một cái nhìn đúng đắn về xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử của vị vua khai sáng nhà Lý cách đây gần nghìn năm.

2.2.2) Tác giả Lý Thường Kiệt: Tên tuổi của ông gắn liền với chiến công chống Tống và hai tác phẩm có giá trị là Văn lộ bố và bài thơ Thần.

- Văn lộ bố:

Đặc điểm của bài văn là ngắn gọn, trang trọng, nêu cao chính nghĩa, vạch trần phi nghĩa, lời lẽ hòa nhã nhưng không kém phần đanh thép và thuyết phục

- Bài thơ Thần:

Chiến thắng quân Tống vẻ vang gắn liền tên tuổi của Lý Thường Kiệt với bài thơ Nam quốc sơn hà nổi tiếng. Ra đời trong khoảnh khắc nhưng bài thơ lại có giá trị vĩnh viễn bởi nó biểu hiện bản lĩnh, khí phách dân tộc, khẳng định chân lý ngàn đời: chính nghĩa bao giờ cũng thắng phi nghĩa. Bài thơ còn là viên ngọc quý trong kho tàng văn học cổ:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

2.3) Nhận định chung về văn học đời Lý

- Với một lực lượng sáng tác đông đảo, các nhà sư đời Lý đã góp phần không nhỏ vào kho tàng văn học cổ. Hướng sáng tác của các nhà sư tuy tập trung thuyết lý cho đạo Phật nhưng vẫn chứa đựng những yếu tố tích cực.

- Giá trị chủ yếu của văn học đời Lý vẫn là những tác phẩm thể hiện chủ nghĩa yêu nước mà trong đó, Chiếu dời đô và bài thơ Thần là hai viên ngọc ngời sáng, một bản tuyên ngôn dựng nước, một bản tuyên ngôn giữ nước. Số lượng sáng tác không nhiều nhưng chủ nghĩa yêu nước vẫn được nêu cao và hình thành như một truyền thống phát triển mãi mãi trong các giai đoạn sau.

3) VĂN HỌC ĐỜI TRẦN

3.1) Bối cảnh lịch sử và những đổi thay trong tầng lớp nho sĩ đời Trần

- 1226- Nhà Trần cướp ngôi nhà Lý
- 1257, 1285, 1287- ba lần kháng chiến chống Nguyên Mông
- Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc gắn liền với xây dựng đất nước.
- Thuật trị nước khoan sức dân tiến bộ đời Trần đã kích thích xã hội ngày càng ổn định và phát triển
- Tầng lớp Nho sĩ trở thành lực lượng chính tham gia xây dựng đất nước. Họ gần gũi với quần chúng hơn nên thơ họ phản ánh đúng nhu cầu, nguyện vọng của quần chúng.
- Những vấn đề văn hóa, xã hội, nghệ thuật cũng phát triển mạnh mẽ dưới triều Trần.

3.2) Nội dung văn học

3.2.1) Văn học Trần phản ánh lòng yêu nước tinh thần dân tộc

- Cũng như mảng thơ văn đời Lý, văn học đời Trần tập trung xoáy mạnh vào đề tài chống quân Nguyên xâm lược với cảm hứng chủ đạo là lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc. Điển hình cho chủ nghĩa yêu nước trong văn học đời Trần là tác phẩm Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, bởi lẽ tác phẩm tập trung phản ánh những khía cạnh sâu sắc nhất của lòng yêu nước cao độ. Đây là một tác phẩm có giá trị lịch sử và văn học cao, khẳng định bước tiến của lịch sử dân tộc và lịch sử văn học.
- Bên cạnh đó, cuộc chiến đấu chống Nguyên Mông cũng là đề tài phong phú của nhiều nhà thơ khác đời Trần. Tác phẩm của họ mang âm hưởng chung hào hùng, ca ngợi khí phách, chiến thắng vẻ vang của dân tộc:

Đoạt sóc Chương Dương độ

Cầm hồ Hàm Tử quan

Thái bình tu nỗ lực

Vạn cổ thử giang san

(Tùng giá hoàn kinh sư- Trần Quang Khải)

Các nhà thơ thường tập trung miêu tả hào khí Đông A bằng những hình ảnh đẹp đẽ, kỳ vĩ cùng với ý thức trách nhiệm của mỗi người công dân trong công cuộc chiến đấu chung của toàn dân tộc:

Hoành sóc giang san cáp kỷ thu

Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu

Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu

(Thuật hoài- Phạm Ngũ Lão)

Các nhà thơ cũng chú ý nêu cao sức mạnh của chính nghĩa, của vấn đề đức trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc:

Giặc tan muôn thuở thanh bình

Phải đâu đất hiểm cốt mình đức cao

(Bạch Đằng giang phú- Trương Hán Siêu)

Nội dung yêu nước không chỉ được thể hiện trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống xâm lược mà còn phát triển trên những khía cạnh tình cảm phong phú của nhà thơ. Có khi, đó là nỗi nhớ nhà thăm lặng nhưng mãnh liệt của một nhà Nho xa quê hương:

Dâu già lá rụng tầm vừa chín

Lúa sớm nở hoa cua béo ghê

Nghe nói quê nhà nghèo vẫn tốt

Giang Nam vui thú chẳng bằng về

(Quy hứng- Nguyễn Trung Ngạn)

Có khi, đó là niềm khát khao được xây dựng một đất nước thịnh vượng hòa bình muôn đời:

Xã tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng

(Xuân nhật yết Chiêu lăng- Trần Nhân Tông)

Yêu nước còn được thể hiện bằng niềm hạnh phúc được nhìn thấy đất nước hòa bình, được sống trong hòa bình:

Trăng vô sự chiếu người vô sự

Nước ngâm thu lòng trời ngâm thu

Bốn bề đã yên như đã lắng

Chơi năm nay thú vượt năm xưa

(Hạnh Thiên Trường hành cung- Trần Thánh Tông)

Có thể nói, trong lịch sử dân tộc, vương triều nhà Trần là một vương triều hùng mạnh nhất. Đây là thời kỳ mà mọi ý thức về quốc gia dân tộc đều phát triển mạnh mẽ và đó cũng chính là nền tảng cho sự phát triển của văn học yêu nước.

3.2.2) Văn học đời Trần thể hiện lòng yêu mến cảnh thiên nhiên tươi đẹp

So với thiên nhiên trong thơ văn đời Lý, thiên nhiên trong thơ văn đời Trần thực hơn, đẹp hơn. Các nhà thơ đã bắt đầu chú ý miêu tả đời sống thôn dã bình dị. Cảm xúc được thể hiện tinh tế hơn. Đặc biệt,
<http://tieculun.hopto.org> - Trang 8

qua việc miêu tả thiên nhiên, các tác giả thường chú ý bộc lộ niềm tự hào về những chiến tích oanh liệt của dân tộc.

Bài thơ Thiên Trường vãn vọng của Trần Nhân Tông là một trong những ví dụ tiêu biểu cho cái nhìn mới của các nhà thơ đời Trần đối với cuộc sống bình dị của người lao động:

Thôn hậu thôn tiền đậm tự yên
Bán vô bán hữu tịch dương biên
Mục đồng địch lý ngư quy tận
Bạch lộ song song phi hạ điền

Cảnh vật được miêu tả bằng ngôn từ giản dị nhưng vẫn thể hiện được cái thần, cái đẹp của bức tranh đường đi Lạng Sơn, cảnh chùa Bảo Phúc, động Chi lăng, Thạch Môn sơn, cảnh Thiên Trường, cảnh hồng rừng, tiếng chuông văng vẳng, tiếng sáo thuyền câu,...

Mưa tạnh vườn cây màn biếc rủ
Tiếng ve chiều tối rộng bên tai (Hạ cảnh- Trần Thánh Tông)

Hoặc:

Cổ tự thê lương thu ái ngoại
Ngư thuyền tiêu sắt mộ chung sơ
Thủy minh, sơn tĩnh, bạch âu quá
Phong định, vân nhàn, hồng thụ sơ
(Lạng Sơn vãn cảnh-Trần Nhân Tông)

Cảm xúc và cách miêu tả của nhà thơ thực sự tinh tế:

Thụy khởi khái song phi
Bất tri xuân dĩ quy
Nhất song bạch hồ điệp
Phách phách sấn hoa phi
(Xuân hiều- Trần Nhân Tông)

Yêu thiên nhiên, các nhà thơ càng tự hào hơn nữa về những chiến tích oanh liệt của dân tộc:

Lâu Lãi hang sâu hơn đáy giếng
Chi Lăng ải hiểm tựa trời cao
Ngựa leo, gió lướt ngoảnh đầu lại

Cửa khuyết trời tây mây rắng treo

(Ai Chi Lăng- Phạm Sư Mạnh)

Các tác giả thường khai thác đề tài sông Bạch Đằng với cảm hứng ca ngợi đầy sáng khoái, tự hào:

Ánh nước chiều hôm màu đỏ khé

Tưởng rằng máu giặc vẫn chưa khô

(Bạch Đằng giang- Trần Minh Tông)

Có thể nói, thiên nhiên trong thơ văn đời Trần hết sức phong phú đa dạng. Các nhà thơ đã phát hiện, cảm nhận những vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên chứng tỏ họ ngày càng gắn bó hơn với cuộc đời, với con người.

3.2.3) Tinh thần nhân đạo và tư tưởng bi quan yếm thế trong thơ văn đời Trần

- Chủ nghĩa nhân đạo trong thơ văn đời Trần chủ yếu thể hiện qua sự tin tưởng vào khả năng của con người, khát vọng một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, không còn chiến tranh đổ máu, chết chóc. Trương Hán Siêu ca ngợi cái đức, cái chính nghĩa của dân tộc Đại Việt. Sử Hy Nhan trong Trảm xà kiếm bộc lộ ý muốn gói giáo kiếm vào da hùm, rèn binh khí làm nông cụ và tuyên bố rõ thái độ chán ghét chiến tranh:

Kiếm này! Kiếm này là vật chẳng lành

Bạc thánh túng kế mới dùng phải đâu vật quý

- Tuy nhiên, càng về sau, nhà Trần không tránh khỏi con đường suy thoái. Một số nhà nho tiết tháo chán nản lui về cảnh sống ẩn dật trong một tâm trạng đầy uất hận. Thơ của họ bộc lộ rõ nỗi đau của kẻ sĩ chân chính bất lực trước tình cảnh khốn cùng của quần chúng. Những tư tưởng yếm thế thoát ly của họ chứa đựng ít nhiều giá trị tích cực khi thấm nhuần tinh thần nhân đạo cao cả:

Hạn rồi qua lụt đã bao phen

Thương nỗi đồng điền lúa chẳng lên

Đóng sách hóa ra chông giấy nát

Bạc đầu luống những phụ dân đen

(Nhâm dân lục nguyệt tác- Trần Nguyên Đán)

Không chỉ đau thương, phẫn uất, các nhà thơ còn bộc lộ niềm mong ước, khát vọng cứu dân giúp đời của kẻ sĩ chân chính:

Ví làm ông bề lõm rền được

Thôi thấu lòng người khắp chín châu (Nguyễn Phi Khanh)

Hoặc:

Liễu phổ tam thu vũ

Quân bông bán dạ thanh

Cô đăng minh hựu diệt

Hồ hải thập niên tình

(Hoàng giang dạ vũ- Nguyễn Phi Khanh)

- Tất nhiên, càng khát vọng, họ càng rơi vào cảnh bế tắc, tuyệt vọng cho nên, thơ của họ chứa đựng những tình cảm bi quan, tiêu cực:

Trước mắt mọi chuyện đều đáng lo

Hết bệnh sao bằng bệnh vẫn mang (Nguyễn Phi Khanh)

3.3) Nhận xét chung về thơ văn đời Trần

- Thơ văn đời Trần đánh dấu một bước phát triển mới của VHTĐ

- Chủ đề yêu nước là chủ đề tập trung và đạt được nhiều thành tựu trong văn học đời Trần. Tuy nhiên, thời kỳ này chưa có những tác phẩm mô tả một cách toàn bích cuộc chiến đấu mang tầm vóc lịch sử to lớn. Đây là một thiếu sót mà văn học thế kỷ XV sẽ bổ sung.